

Số: 01/2018/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; hỗ trợ truyền thông và giảm nghèo về thông tin; hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2018 - 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC, ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BTT, ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn thực hiện dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT, ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ Phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 41/TTr-UBND, ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về quy định một số mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; hỗ trợ truyền thông và giảm nghèo về thông tin; hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2018 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định chi tiết một số mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; hỗ trợ truyền thông và giảm nghèo về thông tin; hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2018 – 2020.

b) Các nội dung về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 không quy định tại Nghị quyết này, thực hiện theo Thông tư số 15/TT-BTC, ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Điều 6; Khoản 1, Điều 13; Điểm a, Khoản 6, Điều 19; Khoản 10, Điều 21 Thông tư số 15/2017/TT-BTC, ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

1. Mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Mức chi hỗ trợ đối với các dự án, mô hình: Tối đa không quá 350 triệu đồng/dự án, mô hình, trong đó: Mức chi hỗ trợ cho các hộ gia đình tham gia dự án, mô hình:

- a) Hỗ trợ hộ nghèo tối đa không quá 7 triệu đồng/hộ;
- b) Hỗ trợ hộ cận nghèo tối đa không quá 5,6 triệu đồng/hộ;
- c) Hỗ trợ hộ mới thoát nghèo tối đa không quá 3,5 triệu đồng/hộ.

2. Mức chi hỗ trợ đối với các mô hình nhân rộng giảm nghèo

a) Dự án, mô hình chăn nuôi đại gia súc: Hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án, mô hình, với các mức chi chuyên môn như sau: Hỗ trợ giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin tiêm phòng, máy móc, công cụ sản xuất:

- Hỗ trợ hộ nghèo tối đa không quá 15 triệu đồng/hộ;
- Hỗ trợ hộ cận nghèo tối đa không quá 12 triệu đồng/hộ;
- Hỗ trợ hộ mới thoát nghèo tối đa không quá 9 triệu đồng/hộ.

b) Dự án, mô hình chăn nuôi tiểu gia súc: Hỗ trợ tối đa không quá 400 triệu đồng/dự án, mô hình; với các mức chi chuyên môn như sau: Hỗ trợ giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin tiêm phòng, máy móc, công cụ sản xuất:

- Hỗ trợ hộ nghèo tối đa không quá 12 triệu đồng/hộ;

- Hỗ trợ hộ cận nghèo tối đa không quá 9 triệu đồng/hộ;
- Hỗ trợ hộ mới thoát nghèo tối đa không quá 7 triệu đồng/hộ.

c) Dự án, mô hình chăn nuôi gia cầm, nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án, mô hình; với các mức chi chuyên môn như sau: Hỗ trợ giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, máy móc, công cụ sản xuất, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản, ngư cụ đánh bắt:

- Hỗ trợ hộ nghèo tối đa không quá 10 triệu đồng/hộ;
- Hỗ trợ hộ cận nghèo tối đa không quá 8 triệu đồng/hộ;
- Hỗ trợ hộ mới thoát nghèo tối đa không quá 6 triệu đồng/hộ.

d) Dự án mô hình trồng trọt: Hỗ trợ tối đa không quá 250 triệu đồng/dự án, mô hình; với các mức chi chuyên môn như sau: Hỗ trợ giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, máy móc, nông cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sau thu hoạch.

- Hỗ trợ hộ nghèo tối đa không quá 8 triệu đồng/hộ;
- Hỗ trợ hộ cận nghèo tối đa không quá 7 triệu đồng/hộ;
- Hỗ trợ hộ mới thoát nghèo tối đa không quá 6 triệu đồng/hộ.

đ) Đối với mức chi xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công thông qua đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở thôn, bản, mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ nội dung này không quá 30% tổng kinh phí sự nghiệp được giao hằng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững do ngân sách Trung ương cấp.

- Mức hỗ trợ tối đa không quá 1.000 triệu đồng/mô hình.

- Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, chủ đầu tư tiến hành rà soát, xây dựng, phân loại mô hình, quy mô mô hình, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia mô hình và các nội dung chi thực hiện mô hình theo chế độ và định mức chi tiêu hiện hành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện.

3. Chi xây dựng và quản lý dự án cho hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo: 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và 10% mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho dự án.

Điều 3. Mức chi hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ

1. Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất cho các hộ, nhóm hộ trong phát triển ngành nghề (nếu không nhận hỗ trợ cho các hộ tham gia dự án, mô hình tại các khoản 1, khoản 2 Điều 2). Mức hỗ trợ theo hợp đồng thuê, mua, sửa chữa và các chứng từ chi tiêu hợp pháp, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể:

- a) Hỗ trợ hộ nghèo tối đa không quá 12 triệu đồng/hộ;

- b) Hỗ trợ hộ cận nghèo tối đa không quá 9 triệu đồng/hộ;
- c) Hỗ trợ hộ mới thoát nghèo tối đa không quá 6 triệu đồng/hộ.

2. Hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm: hỗ trợ 50% giá trị máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến được chuyển giao nhưng không quá 300 triệu đồng.

Điều 4. Hỗ trợ đối với truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Đối với loại phương tiện nghe - xem:

a) Ti vi màu mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng/bộ.

b) Radio, mức hỗ trợ không quá 500.000 đồng/cái.

c) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ bằng hiện vật và mỗi hộ gia đình chỉ được hỗ trợ một trong hai phương tiện nghe – xem (01 ti vi hoặc 01 Radio/hộ). Tổ chức mua sắm tập trung và bàn giao phương tiện cho đối tượng hộ nghèo. Yêu cầu về phương tiện nghe-xem, trang bị phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động phải đáp ứng yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định tại Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT, ngày 02/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn thực hiện dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020.

2. Hỗ trợ trang bị phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động tại huyện, xã:

a) Đối với phương tiện tác nghiệp phục vụ tuyên truyền cổ động cấp huyện (thiết bị âm thanh, ánh sáng) hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/bộ;

b) Đối với phương tiện tác nghiệp phục vụ tuyên truyền cổ động cấp xã (thiết bị âm thanh) hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/bộ.

3. Hỗ trợ xây dựng các điểm tuyên truyền cổ động cố định (bảng tin công cộng) tại các xã:

a) Loại hình hỗ trợ: Bảng tin công cộng có diện tích 8m², gồm: Bảng nhựa cứng, khung sắt, có mái tôn, móng bê tông.

b) Hình thức hỗ trợ: Đầu tư mới, mức hỗ trợ: 7 triệu đồng/bảng tin.

4. Hỗ trợ thiết lập cụm thông tin cơ sở tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương:

a) Về kết cấu, quy mô, yêu cầu kỹ thuật: Cụm thông tin cơ sở bao gồm: Hệ thống các thiết bị điện tử màn hình LED 01 mặt, 02 mặt (bao gồm bộ máy tính điều khiển và thiết bị phụ trợ kèm theo). Số lượng màn hình xác định tùy theo yêu cầu, phù hợp vị trí lắp đặt, hiệu quả thông tin, tuyên truyền tại địa điểm thiết lập. Diện tích 01 màn hình từ 30 - 40m², được lắp đặt cố định trên trụ đỡ hoặc treo trên khung giàn (tùy theo vị trí lắp đặt), đảm bảo an toàn về thiết bị, an ninh thông tin cho hệ thống máy tính, phần mềm điều khiển và hệ thống kết nối truyền dẫn tới đơn vị quản lý nội dung thông tin, tuyên truyền. Mức chi hỗ trợ:

- Đối với cụm thông tin cơ sở 01 màn hình hỗ trợ không quá 3.500 triệu;
- Đối với cụm thông tin cơ sở 02 màn hình hỗ trợ không quá 7.500 triệu;
- Đối với cụm thông tin cơ sở 03 màn hình hỗ trợ không quá 10.000 triệu.

b) Hệ thống trang thiết bị nghe, nhìn bao gồm: Tăng âm công suất lớn, các thiết bị nghe, nhìn công nghệ kỹ thuật số, máy phát điện. Mức chi hỗ trợ: Không quá 300 triệu đồng/01 cụm thông tin cơ sở.

Điều 5. Mức chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã

1. Hỗ trợ 02 triệu đồng/xã/năm đối với các xã khu vực III.
2. Hỗ trợ: 1,5 triệu đồng/xã/năm đối với các xã còn lại.

Điều 6. Nguồn vốn thực hiện

1. Kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững do Ngân sách Trung ương cấp.

2. Nguồn huy động, đóng góp của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 7. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVI, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 7 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- VKSND, TAND, THADS tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- C, PVP, các CV Văn phòng HĐND tỉnh;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CV;
- Báo Lạng Sơn, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

Hoàng Văn Nghiệm